

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 466 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn**;

2. Ông **Lê Văn Rở**;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:** Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân**- Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Hứa Thành T**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, chị Trần Thị Mai Thi trình bày:

Chị và anh Hứa Thành T tự nguyện cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19/02/2004. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T không chăm lo gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hứa Nhật M, sinh ngày 25/9/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động được; Hứa Nhật N, sinh ngày 14/7/2005. Khi

ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về T sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, anh Hứa Thành T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị D về quá trình kết hôn. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý với ly hôn chị D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hứa Nhật M, sinh ngày 25/9/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động được; Hứa Nhật N, sinh ngày 14/7/2005 hiện đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Trường hợp chị D được nuôi dưỡng cháu N thì anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản chung: Anh T trình bày có tài sản là 01 phần đất do chị D đứng tên cùng căn nhà trên đất (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà), tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc chị Trần Thị Ngọc D và anh Hứa Thành T có mâu thuẫn kéo dài từ năm 2018 không hàn gắn được, anh chị đã ly thân đầu năm 2021 cho đến nay nên việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có, là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, anh Hứa Thành T vắng mặt

tại các phiên hòa giải và phiên tòa không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Hứa Thành T là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng, chị D trình bày, anh chị kết hôn tự nguyện. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh T không quan tâm đến gia đình, anh chị ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn anh T.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, anh Hứa Thành T trình bày ý kiến mong muốn hàn gắn gia đình vì anh vẫn còn tình cảm với chị D. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh Hứa Thành T vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, thể hiện ý chí không muốn hàn gắn. Do đó, việc chị D yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 02 người con tên Hứa Nhật M, sinh ngày 25/9/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và Hứa Nhật N, sinh ngày 14/7/2005 hiện đang sống cùng chị D. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hứa Nhật N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

Xét cháu N hiện đang do chị D nuôi dưỡng, cháu N có Bản tự khai trình bày nguyện vọng muốn sống với chị D khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh T vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cũng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị D yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã thực hiện thủ tục yêu cầu anh T xác định yêu cầu về tài sản chung (nếu có tranh chấp) và giao nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng anh T không cung cấp cho Tòa án theo quy định và anh chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp anh T, chị D có tranh chấp tài sản chung thì anh chị có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Chị D và anh T thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các đương sự không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

[6] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc D được ly hôn với anh Hứa Thành T.

2/ Về con chung: Con chung tên Hứa Nhật M, sinh ngày 25/9/2003 đã trưởng thành. Giao con chung tên Hứa Nhật N, sinh ngày 14/7/2005 cho chị Trần Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hứa Thành T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hứa Thành T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về T sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0005692 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như đã nộp xong.

Chị Trần Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Hứa Thành T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Hạnh